

“VỢ CHỒNG A PHỦ” – NHỮNG THÂN PHẬN TRÂU NGỰA, NHỮNG TÂM HỒN ĐẸP ĐẼ VÀ CẢM HỨNG NHÂN VĂN CỦA VĂN HỌC CÁCH MẠNG

Vợ chồng A Phủ là tác phẩm trong tập Truyện Tây Bắc của Tô Hoài, được giải nhất tiểu thuyết, giải thưởng Hội Văn nghệ Việt Nam 1954-1955. Vợ chồng A Phủ được sáng tác vào khoảng 1952-1953, là kết quả của cuộc thâm nhập đời sống vào các dân tộc Thái, Dao, Hmông, Mường trên các vùng cao Tây Bắc đất nước. Trước và sau khi sáng tác truyện này, Tô Hoài đã và vẫn giữ một tình cảm sâu nặng với đồng bào miền núi. Ông từng sống chung với họ, ông học một ít tiếng Thái, Hmông để giao tiếp, từng đo tay kết làm anh em với một số người, từng nhận một người con Hmông làm con nuôi, từng là bạn thân của nhiều cán bộ lãnh đạo người miền núi [1]. Có thể nói Vợ chồng A Phủ cũng như các truyện khác trong Truyện Tây Bắc là kết tinh của vốn sống, vốn hiểu biết và nhất là tình yêu thương, lòng kính trọng của nhà văn đối với người dân miền núi Tây Bắc nước ta.

Vợ chồng A Phủ và cả tập Truyện Tây Bắc có một vị trí chắc chắn trong văn học đương đại Việt Nam. Nó mở rộng đề tài văn học sang những vùng núi hẻo lánh chưa được nhà văn đào xới. Nó nhìn nhận con người miền núi với một tình cảm trân trọng, yêu thương, gần gũi. Và chủ yếu là truyện ngắn đã xây dựng được những hình

tượng sống động làm người đọc nhớ mãi. Tác phẩm đã được nhà văn chuyển thể và dựng thành phim.

Bản thân truyện Vợ chồng A Phủ đã được viết đi viết lại mấy lần. Văn bản hiện nay là kết quả của lần viết thứ ba, khác nhiều so với lần đầu tiên. Tuy vậy tác giả vẫn thấy thành công chưa đều. “Phần sau truyện còn lỏng lẻo so với phần trước”. Phần sau là phần kể vợ chồng A Phủ sau khi đến Phiềng Sa, Tô Hoài vẫn mong được viết lại. Trong kịch phim Vợ chồng A Phủ ông đã viết hay hơn, được nhà văn Nguyễn Tuân khen. Nhưng câu chuyện viết lại không phải là chuyện dễ dàng. Trong tập Truyện ngắn Việt Nam 1945-1985 (Nxb Văn học, Hà Nội, 1985), khi tuyển truyện này, tác giả đã cắt bỏ phần sau và truyện kết thúc ở đoạn hai người đã bỏ xa Hồng Ngài tới Phiềng Sa. Câu “Hai người nhận là vợ chồng. Mà thật thì A Phủ và Mị đã thành vợ chồng” đã khép lại câu chuyện.

Chủ đề của truyện Vợ chồng A Phủ, theo lời Tô Hoài phát biểu vào năm 1960 là: “Nông dân các dân tộc Tây Bắc bao năm gian khổ chống đế quốc và bọn chúa đất. Cuộc đấu tranh giai cấp, riêng ở Tây Bắc, mang một sắc thái đặc biệt. Nhìn lướt qua nơi thế lực phong kiến còn đương kéo lùi đất nước lại hàng trăm năm trước”, nhưng “các dân tộc đã không lặng lẽ chịu đựng. Họ đã thức tỉnh. Cán bộ của Đảng tới đâu thì các dân tộc đứng lên tới đấy, trước nhất là những người trẻ tuổi. Họ thật đẹp và yêu đời... còn một phút sống vẫn còn chờ đợi, vẫn mong, vẫn tin một ngày bình yên, yên vui của tình yêu và của đất nước”. Hơn 40 năm sau, khoảng năm 1994, Tô Hoài lại nhấn mạnh đến số phận đáng cay của người phụ nữ miền núi, ngoài việc lao động cực nhọc, còn bị mê tín, thần quyền cầm tù trong tinh thần. Nhưng tình yêu và tuổi trẻ đã chiến thắng tù ngục phong kiến và thần quyền. Cuộc kháng chiến của các dân tộc đã

đưa học lên con đường chiến đấu bảo vệ hạnh phúc của chính họ. Tác giả đặc biệt lưu ý tới vẻ đẹp của tuổi trẻ và tình yêu của họ, vẻ đẹp của tâm hồn Mị trong giờ khắc cắt dây cứu thoát cho A Phủ và cho chính mình. Có thể coi đó là những gợi ý để đi sâu phân tích nội dung và nghệ thuật tác phẩm.

1. Những thân phận trâu ngựa nơi địa ngục trần gian

Mở đầu tác phẩm, tác giả giới thiệu ngay với người đọc hình ảnh của Mị, một cô gái, con dâu thống lí, mặt buồn rười rượi: “Lúc nào cũng vậy, dù quay sợi, thái cỏ ngựa, dệt vải, chẻ củi hay đi cõng nước dưới khe suối lên, cô ấy cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi” – Đó là nét mặt muôn thuở của cô dâu trù nợ, một sản phẩm của chế độ bóc lột nợ lãi miền núi.

Bố mẹ Mị vay tiền của thống lí để làm đám cưới, mỗi năm trả lãi một nương ngô. Mười mấy năm, bố mẹ đẻ ra Mị, Mị đã lớn, rồi mẹ Mị đã chết, bố Mị già yếu mà vẫn không trả hết nợ! Nhà thống lí bắt Mị về làm dâu gán nợ. Sau này A Phủ cũng bị buộc vay nợ nộp phạt và phải ở nợ. “Bao giờ có tiền thì cho về, chưa có tiền thì phải ở làm con trâu con ngựa” cho thống lí. Đời này, “đời con, đời cháu, bao giờ hết nợ thì thôi”. Như vậy là người ở nợ sẽ trở thành trâu ngựa đời đời, không mong gì thoát ra được!

Hai từ “trâu ngựa” trong miệng thống lí Pá Tra nói ra hoàn toàn không phải là nói theo nghĩa bóng, mà là theo nghĩa đen. Mị về làm dâu chỉ có vùi vào việc cả đêm lẫn ngày. Quanh năm suốt tháng, lúc nào cũng chỉ nhớ đi nhớ lại những việc giống nhau, tiếp nhau vẽ ra trước mặt... Tết xong thì lên núi hái thuốc phiện, giữa năm thì giặt đay, xe đay, đến mùa thì đi nương bẻ bắp, và dù đi hái củi, lúc bung ngô, lúc nào

cũng gài một bó dây trong cánh tay để tước sợi. Bao giờ cũng thế, suốt năm suốt đời như thế.

Chồng Mị không xem Mị là người, “chẳng năm nào cho Mị đi chơi Tết”. Khi thấy Mị muốn đi chơi, A Sử liền bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi dây ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xoã xuống, nó quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng được đầu nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi tắt đèn, khép cửa buồng lại. Hắn trói vợ cũng như thắt cái dây lưng, tắt đèn khép cửa, đứng đưng, lạnh lùng, không suy nghĩ, không xúc động! Đoạn sau, khi Mị bóp thuốc cho A Sử, mệt quá thiếp đi, A Sử tàn nhẫn “đạp chân vào mặt Mị”. Nhà Pá Tra đã có lần trói đứng một người con dâu cho đến chết. Đến lượt A Phủ cũng bị trói đứng như vậy! Có thể nói đó là một tục lệ đã mất hết nhân tính.

Củng cố cho tục lệ ấy là tư tưởng mê tín dị đoan. Cướp vợ về, trình ma, cho người vay nợ, cũng trình ma. Một thế lực vô hình trói buộc và hù dọa người dân lao động miền núi, làm cho họ sợ hãi, cam chịu, nằm im trong kìm kẹp. Cảnh tiếng nhạc sinh tiền cúng ma rập rờn, cảnh Pá Tra đốt hương lầm rầm khẩn ma về nhận mặt người vay nợ vàng tăng thêm không khí khủng khiếp nơi miền núi âm u, ma thiêng nước độc. Tác giả đã khắc họa được sâu sắc cảnh địa ngục trần gian, nơi giam hãm những người dân lao động vô tội. Đó là một bản cáo trạng đối với chế độ phong kiến miền núi man rợ, cấu kết với thực dân Pháp. Theo Tô Hoài trong Cát bụi chân ai cho biết, từ năm 1918, người Mèo (Hmông) ở Đông Dương trực thuộc chính phủ Pháp mà đại diện là quan công sứ đầu tỉnh. Người Mèo đặt ra thống lí, thống soái cai trị tự

quản. Đó là những chức quan đặt ra từ thời Pháp để kìm kẹp nhân dân. Không có cách mạng không thể giải phóng cho những con người vô tội ấy.

Bị cáo trong bản cáo trạng ấy là A Sử và Pá Tra – cha hấn. Cho vay nặng lãi, coi mạng người như cỏ rác, lợi dụng mê tín thần quyền, cấu kết với quan Tây, cha con Pá Tra là những kẻ hiện thân cho cái ác, cho thế lực phản động. Nhà văn khắc họa không nhiều, nhưng chỉ vài nét mà người đọc không quên được bộ mặt tàn nhẫn, mất hết tính người của chúng.

2. Nhân vật Mị:

Mị là nhân vật chính, nhân vật trung tâm của truyện Vợ chồng A Phủ. Mị là hiện thân cho tuổi trẻ miền núi bị vùi dập và đã vùng lên tự giải thoát cho mình. Mị là linh hồn của truyện Vợ chồng A Phủ.

Mở đầu tác phẩm, Tô Hoài giới thiệu Mị là một cô gái lúc nào, làm gì cũng cúi mặt, mặt buồn rười rượi. Đó là hình bóng của con người bị chà đạp và tuyệt vọng. Nhưng Mị là ai, những ai đứng ngoài hoặc làm khách của nhà thống lí thì không thể hiểu được. Phải là người nghèo ở Hồng Ngài, những người cùng số phận với Mị mới hiểu Mị.

Đời Mị trong tác phẩm có thể chia làm bốn đoạn: Đoạn trước khi làm dâu, đoạn mới về làm dâu, đoạn làm dâu đã quen và đoạn cứu A Phủ rồi bỏ trốn cùng A Phủ. Ta hãy phân tích nhân vật Mị theo bốn chặng đường đời đó.

a) Trước khi bị bắt về làm dâu trừ nợ, Mị là người con gái hạnh phúc. Cô yêu đời, thổi kèn lá cũng hay như thổi sáo. Cô đã trải qua những đêm tình mùa xuân say

kể chuyện dưới góc nhìn và ý thức của Mị, sang phần sau ngòi bút nhà văn lại đưa đầy chủ yếu theo góc nhìn của A Phủ.

A Phủ là đứa con mồ côi, nạn nhân của bệnh dịch và nạn đói làm chết người hàng loạt. Mới mười tuổi A Phủ đã bị bán xuống vùng người Thái, nhưng anh lại trốn để lưu lạc đến Hồng Ngài. Quanh năm chỉ làm thuê, A Phủ khỏe nhưng nghèo thì không thể lấy vợ. Có thể nói A Phủ là con người dưới đáy của xã hội miền núi. A Phủ bị đánh đập tàn nhẫn rồi bị biến thành đũa ở trừ nợ, rồi bị trói đứng chờ chết... đều chứng tỏ số phận trâu ngựa của người lao động nghèo vùng cao.

Nhưng A Phủ là một con người đẹp của núi rừng. A Phủ làm khỏe như trâu, chạy nhanh như ngựa, trở thành một niềm mơ ước của các cô gái. A Phủ cũng bị trói buộc bởi mê tín và thần quyền. Sau khi bị đánh đập tàn nhẫn suốt một ngày đêm, A Phủ lê gối đi làm thịt lợn, làm cỗ cho chức việc ăn vạ. Khi Pá Tra bắt A Phủ đóng cọc lấy dây để trói mình, A Phủ vẫn ngoan ngoãn vâng theo. Anh không hề nghĩ đến việc trốn chạy. Và biết chạy đâu cho thoát? Cái đẹp nhất ở A Phủ là tâm hồn phóng khoáng, hồn nhiên, yêu chính nghĩa, tự tin của tuổi trẻ mà cuộc sống nô lệ không thể huỷ diệt được. Chính cái sức sống ấy sau này sẽ đưa A Phủ đi theo cách mạng.

4. Nghệ thuật của truyện ngắn Vợ chồng A Phủ:

- Trên đây đã nói qua nghệ thuật miêu tả quá trình tâm lí của nhân vật Mị. Đó là thành công tiêu biểu nhất của nhà văn.

- Tô Hoài cũng là cây bút sành tả cảnh. Cảnh vật của ông sống động, có hồn và đầy kêu gọi, góp phần biểu hiện đặc lực cho nhân vật. Chẳng hạn đoạn miêu tả mùa xuân:

“Hồng Ngài năm ấy ăn Tết giữa lúc gió thổi vào cỏ gianh vàng ửng, gió và rét dữ dội.

Nhưng trong các làng Mèo đỏ, những chiếc váy hoa đã đem ra phơi trên mỏm đá, xòe như con bướm sặc sỡ. Đám trẻ đợi Tết, chơi quay, cười ầm trên sân chơi trước nhà”. Ngôn ngữ tả màu sắc rất phong phú, độc đáo, không thấy có trong từ điển. Nhưng cái chính, nó gợi lên một không khí sống động, đổi thay từng lúc, làm nên cho sự trôi dạt của tâm hồn Mị về sau.

- Đặc biệt ông sành dùng ngôn ngữ nửa trực tiếp. Lời của tác giả mà như nói lên gan ruột, vô thức của nhân vật, đã vẽ lên đủ loại cung bậc trong tình cảm Mị: lúc tự tin, lúc ai oán, lúc dằn dỗi, uất ức, lúc căm phẫn..., chẳng hạn: “Mị trẻ lắm. Mị vẫn còn trẻ. Mị muốn đi chơi...”. Lời văn như lời trầm ngâm, thổn thức của nhân vật.

- Các chi tiết được lựa chọn rất công phu, chúng được miêu tả như kêu gọi, đan cài, cái này gợi ra cái kia, một cách tự nhiên. Đáng chú ý là chi tiết tiếng sáo và chi tiết bếp lửa. Chúng vừa tạo không khí, vừa kêu gọi vào tâm tư nhân vật, vừa miêu tả môi trường. Chi tiết của Vợ chồng A Phủ giàu chất tạo hình của điện ảnh và giàu chất thơ. Đây đúng là một tác phẩm tiêu biểu cho thành tựu văn xuôi của văn học cách mạng.